

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09-4-2019

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiền Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Hoa

Bà Lê Thị Cẩm Tú

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Kiều Thị Tùng Khương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An:* Ông Nguyễn Văn Còn – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp TH, xã N, huyện N, tỉnh Long An. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Minh T**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp TH, xã N, huyện N, tỉnh Long An.

Địa chỉ tạm trú: ấp NH, xã T, huyện N, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/11/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thanh H trình bày: Bà và ông Trần Minh T tự tìm hiểu nhau, tiến tới hôn nhân và tổ chức lễ cưới vào năm 2003. Sau đó, bà và ông Trần Minh T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Long An ngày 11/5/2005. Bà và ông T

chung sống với nhau được 15 năm, thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018, bà và ông T phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân do ông T ăn chơi cờ bạc gây nợ nần, không lo làm ăn, bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông T không thay đổi. Đến nay, ông T đã bán hết nhà đất để trả hết nợ, nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài. Bà và ông T cũng đã không sống chung với nhau từ cuối năm 2018 cho đến nay. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Minh T.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông T có 2 con chung tên Trần Nguyễn Minh T, sinh ngày 07/7/2004, giới tính: Nam và Trần Nguyễn Trường T, sinh ngày 03/6/2011, giới tính: Nam. Hiện tại, cháu T đang sống chung với bà và cháu T đang sống chung với ông T. Khi ly hôn, bà yêu cầu giữ nguyên tình trạng nuôi con và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Bà xác định bà và ông T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định bà và ông T không có nợ ai.

Tại bản tự khai ngày 23/01/2019 và ngày 05/4/2019, bị đơn là ông Trần Minh T trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà H về việc đăng ký kết hôn. Ông xác định quá trình chung sống vợ chồng ông cũng có phát sinh mâu thuẫn. Bà H yêu cầu ly hôn với ông thì ông đồng ý ly hôn. Về con chung: ông T thống nhất lời trình bày của bà Kiều về 02 con chung. Khi ly hôn, ông T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và đồng ý để bà H tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản: Ông và bà H không có tài sản chung, nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về nợ chung: Ông xác định vợ chồng ông không có nợ ai.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là ông Trần Minh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nguyên đơn là bà Nguyễn Thanh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở ý kiến trình bày của các đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thanh H về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” đối với bị đơn là ông Trần Minh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thanh H khởi kiện yêu cầu yêu cầu được ly hôn với ông Trần Minh T. Ông T đang cư trú tại xã N, huyện N, tỉnh Long An. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn là bà Nguyễn Thanh H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[3] Bị đơn là ông Trần Minh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thanh H:

[4.1] Về hôn nhân: Xét thấy, bà Nguyễn Thanh H và ông Trần Minh T tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 43 HT 2005 Quyền số 01 đăng ký ngày 11/5/2005 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Long An cấp, nên hôn nhân giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, quá trình chung sống giữa bà H và ông T đã phát sinh mâu thuẫn. Bà H yêu cầu được ly hôn và ông T cũng có ý kiến đồng ý. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà H và ông T là có thật, quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, việc bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông T là có cơ sở, nghĩ nên chấp nhận xử cho bà Nguyễn Thanh H được ly hôn với ông Trần Minh T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4.2] Về nuôi con chung: Theo quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "...Vợ, chồng được quyền thỏa thuận người trực tiếp nuôi con...; Nếu con từ 07 (bảy) tuổi trở lên thì xem xét nguyện vọng của con...". Do tại thời điểm xét xử, con chung tên là Trần Nguyễn Minh T, sinh ngày 07/7/2004 và Trần Nguyễn Trường T sinh ngày 03/6/2011 đều trên 07 tuổi. Cháu T có văn bản có ý kiến sống chung với bà H và đang do bà H nuôi dưỡng; Ngược lại, cháu T có văn bản ý kiến sống chung với ông T và đang do ông T nuôi dưỡng. Mặc khác, quá trình giải quyết vụ án, bà H và ông T có ý kiến giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện tại và không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, vì lợi ích của con chung trên ý kiến tự nguyện của con chung, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, trong học tập, nên Hội đồng xét xử quyết định bà Nguyễn Thanh H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Nguyễn Minh T và ông Trần Minh T được quyền tiếp

tục nuôi dưỡng cháu Trần Nguyễn Trường T. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H và ông T về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[4.3] Về chia tài sản: Bà Nguyễn Thanh H và ông Trần Minh T xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thanh H và ông Trần Minh T đều xác định không có nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thanh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 228 và Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thanh H về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” đối với ông Trần Minh T.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thanh H được ly hôn với ông Trần Minh T.

2. Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thanh H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Trần Nguyễn Minh T, sinh ngày 07/7/2004, giới tính: Nam và ông Trần Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Trần Minh T được quyền được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Trần Nguyễn Trường T, sinh ngày 03/6/2011, giới tính: Nam và bà Nguyễn Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở

bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thanh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà Nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004007 ngày 14/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thanh H đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn là bà Nguyễn Thanh H có mặt có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là ông Trần Minh T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã N, huyện n, tỉnh Long An (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Tiền Phương